

MÀU SẮC TÂM LINH TRONG *TỨ TRẦN HUYỀN LINH* CỦA THỰC LINH

Nguyễn Thị Như Thúy

Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế

Email: nguyenthinhuthuy1985@gmail.com

Ngày nhận bài: 23/7/2025; ngày hoàn thành phản biện: 5/8/2025; ngày duyệt đăng: 10/9/2025

TÓM TẮT

Văn học và văn hóa tâm linh vốn có mối quan hệ chặt chẽ, khăng khít với nhau. Trong văn học, yếu tố tâm linh thường đóng vai trò như một phương tiện để con người vượt thoát khỏi những giới hạn hữu hình của đời sống thực tại, hướng đến những giá trị cao cả mà hiện thực không thể đáp ứng. Đó là nơi dung hòa những xung đột giữa khát vọng và hiện thực, giữa cái hữu hạn của đời người và cái vô hạn của vũ trụ tinh thần. Chính nhờ niềm tin mãnh liệt vào cái đẹp, cái thiện, cái chân lý vĩnh cửu, con người mới có thể nuôi dưỡng hi vọng, khẳng định bản lĩnh tinh thần trước bao biến cố của cuộc sống. Trong phạm vi bài viết này, tác giả chủ yếu đề cập đến các khía cạnh khác nhau của những biểu hiện tâm linh trong tác phẩm *Tứ trần huyền linh* của nhà văn Thực Linh.

Từ khóa: Màu sắc, tâm linh, *Tứ trần huyền linh*, Thực Linh.

1. MỞ ĐẦU

Tâm linh từ lâu đã trở thành một phương diện không thể thiếu trong đời sống tinh thần người Việt. Nó gắn liền với tín ngưỡng, tôn giáo đồng thời thấm sâu vào phong tục, tập quán, văn học và nghệ thuật. Trong văn học hiện đại, đặc biệt là từ sau năm 1975, yếu tố tâm linh không chỉ dừng lại ở việc phản ánh đời sống tín ngưỡng dân gian. Nó trở thành chất liệu nghệ thuật quan trọng để khám phá chiều sâu tâm hồn con người, mối quan hệ giữa quá khứ – hiện tại, giữa hữu hình – vô hình, giữa con người – lịch sử – thần linh. Việc khai thác yếu tố tâm linh, đặc biệt là những hiện tượng huyền bí, siêu nhiên, không gian linh thiêng, niềm tin về luật nhân quả, báo ứng, đã góp phần tạo nên dấu ấn riêng cho nhiều tác phẩm văn chương đương đại Việt Nam.

Nhà văn Thực Linh, sinh năm 1996 tại Hà Nội, được độc giả biết đến như một thanh âm lạ trong thể loại truyện trinh thám lịch sử đương đại Việt Nam với màu sắc tâm linh, huyền bí, tiêu biểu là tác phẩm *Tứ trần huyền linh*. Cô từng là sinh viên khoa

Sư phạm của Đại học Quốc gia Hà Nội, hiện đã tốt nghiệp và đang là giáo viên bộ môn Ngữ văn. Cô bén duyên với nghiệp văn chương từ năm 2017. Sau đó, cô nhanh chóng thu hút sự quan tâm của độc giả mạng xã hội bởi thể loại tâm linh. Phong cách sáng tác của Thục Linh mang đậm dấu ấn văn hóa tâm linh Việt Nam, lấy cảm hứng lớn từ quy luật Nhân quả trong Phật giáo. Ở các tác phẩm của mình, cô thường khai thác những yếu tố như linh hồn, thần linh, tín ngưỡng dân gian và các hiện tượng siêu nhiên, qua đó xây dựng một không khí đầy bí ẩn và hấp dẫn.

Tứ trấn huyền linh của Thục Linh đã kết hợp hài hòa giữa yếu tố trinh thám, lịch sử và sắc màu tâm linh phương Đông. Bằng việc lựa chọn không gian thiêng liêng gắn với Tứ trấn Thăng Long – những ngôi đền linh ứng đã đi vào tiềm thức người Việt, tác phẩm đã khơi dậy cảm thức văn hóa, lịch sử và tái hiện sinh động mối liên hệ mật thiết giữa con người với thế giới siêu hình. Qua đó, tác phẩm khẳng định rằng trong hành trình đi tìm lời giải cho những bí ẩn của số phận, con người hiện đại không thể tách rời niềm tin vào cõi thiêng, vào những quy luật bất biến của vũ trụ như nhân quả, báo ứng. Việc tìm hiểu màu sắc tâm linh, huyền bí trong *Tứ trấn huyền linh* giúp ta hiểu rõ hơn nghệ thuật của Thục Linh, đồng thời mở ra những suy ngẫm sâu sắc về mối quan hệ giữa văn hóa dân gian và văn học đương đại, giữa tâm linh và con người hôm nay.

2. NỘI DUNG

2.1. Khái niệm tâm linh

Theo *Từ điển Tiếng Việt* của Hoàng Phê, “tâm linh là khả năng biết trước một biến cố nào đó sẽ đến với mình theo một quan niệm duy tâm” [5, tr.865]. Hay trong *Văn hóa tâm linh*, Nguyễn Đăng Duy cũng đã đưa ra một khái niệm tương đối đầy đủ: “Văn hóa tâm linh là văn hóa biểu hiện những giá trị thiêng liêng trong cuộc sống đời thường và biểu hiện niềm tin thiêng liêng trong cuộc sống tín ngưỡng tôn giáo” [2, tr.11]. Hoặc trong cuốn *Văn xuôi Việt Nam sau 1975*, Nguyễn Thị Bình cũng đưa ra quan niệm về con người tâm linh: “Con người tâm linh hướng về những sức mạnh bí ẩn, những đối tượng siêu thực, ít có khả năng hiện hữu và hành động của nó có khi không sao giải thích được” [1, tr.70]. Từ đó, ta có thể thấy, tâm linh là một hiện tượng văn hóa, tồn tại lâu dài và có tính phổ biến. Nó là cái thiêng liêng cao cả trong cuộc sống trần thế, gắn với thế giới vô hình hay siêu hình.

Văn học luôn phản ánh hiện thực. Chính vì vậy, giữa văn học và tâm linh luôn có mối quan hệ mật thiết với nhau. Tâm linh trở thành chất liệu đặc biệt và là một thành tố nghệ thuật quan trọng trong sáng tạo của các nhà văn. Tâm linh trong nghệ thuật nói chung và trong văn học nói riêng luôn tồn tại một cách phong phú, đa dạng. Nó phản ánh các giá trị sống, giá trị nhân sinh, đồng thời thể hiện các tư tưởng, quan niệm của con người thông qua ngôn ngữ nghệ thuật. Đặc biệt, sau năm 1975, sự xuất

hiện đầy dụng ý của các yếu tố tâm linh trong các sáng tác văn chương đã thu hút sự quan tâm của độc giả. Điều đó chứng tỏ có sự thay đổi lớn về quan niệm thẩm mỹ trước thế giới và con người, làm nên dấu ấn đặc biệt của văn học đương đại Việt Nam.

2.2. Các biểu hiện của màu sắc tâm linh trong *Tứ trấn huyền linh*

2.2.1. Không gian linh thiêng, sự hiển linh gắn với Tứ trấn Thăng Long

Tứ trấn huyền linh xoay quanh câu chuyện của nhân vật chính là Tĩnh, một sinh viên Y khoa, liên tục bị ác mộng, ảo giác và cảm giác có kẻ khác sống trong cơ thể mình. Anh phát hiện bản thân bị dính lời nguyền "nhị trùng thân", khiến hai linh hồn tồn tại trong một thể xác. Để hóa giải, Tĩnh phải tìm về bốn đền thiêng trấn giữ Thăng Long. Hành trình ấy giúp anh hiểu rõ hơn về nhân quả, luân hồi, mối liên hệ giữa quá khứ và hiện tại. Nhờ niềm tin, lòng thành và sự tỉnh thức, Tĩnh vượt qua thử thách, hóa giải lời nguyền, trả lại sự cân bằng cho linh hồn và cho chính vùng đất Thăng Long.

Nhằm ghi dấu ấn trong lòng độc giả, Thục Linh đã lựa chọn một không gian đặc biệt để xây dựng thế giới nghệ thuật: bốn ngôi đền trấn giữ bốn phương của kinh thành Thăng Long. Đó là Bạch Mã ở phương Đông, Voi Phục ở phương Tây, Kim Liên ở phương Nam và Quán Thánh ở phương Bắc. Thục Linh khéo léo tái hiện lại không gian ấy dưới cái nhìn hiện đại, trong đó các ngôi đền thiêng không đứng tách biệt mà thấm đẫm linh lực, trở thành vùng không gian mang tính chất ranh giới giữa trần thế và thần linh, giữa hiện tại và quá khứ, giữa cái hữu hạn của con người và cái vô hạn của vũ trụ linh thiêng. Nhân vật trong tác phẩm, dù mang lý trí hiện đại, vẫn không thể dứt bỏ cảm giác kính sợ, dè chừng khi bước vào đền, bởi họ cảm nhận rõ sự tồn tại mơ hồ nhưng mãnh liệt của thế giới vô hình luôn âm thầm điều chỉnh trật tự thế gian.

Trước hết, không gian đền Bạch Mã hiện lên đượm vẻ huyền bí, vừa mang vẻ đẹp cổ kính, vừa gợi cảm giác thiêng liêng khó diễn tả bằng lời. Ngay từ những dòng miêu tả đầu tiên, tác giả đã khắc họa bầu không khí trang nghiêm, tĩnh mịch bao trùm lấy chính điện, nơi linh khí hội tụ, thần lực ngự trị: "Hai bên điện thờ có hai bức tượng Bạch Mã lớn – hiện thân của thần Long Đỗ. Không khí trong chính điện vô cùng yên tĩnh" [6, tr.36]. Sự tĩnh lặng nơi đây mang đậm màu sắc tâm linh, mở ra cảm thức giao hòa giữa con người hữu hạn và thế giới vô hình bất khả tri. Trong không gian ấy, nhân vật như cảm nhận được rõ rệt sự hiện diện vô ảnh vô thanh của thần linh đang dõi theo từng bước chân kẻ phàm tục. Đỉnh điểm của sự linh thiêng, huyền hoặc là khi bức tượng Bạch Mã đột ngột hóa linh vật sống, phá vỡ ranh giới giữa tượng vật vô tri và linh hồn: "Một luồng khí sáng nhẹ phát ra từ bức tượng như hào quang lấp lánh. Đột nhiên một con ngựa sống bước ra từ trong bức tượng..." [6, tr.37]. Hình ảnh con ngựa trắng, dáng vẻ trong suốt, ánh mắt sắc lạnh, xuyên thấu hư vô chính là biểu tượng cho uy lực thần quyền và linh khí hội tụ tại vùng đất Thăng Long. Sự hiển linh này đã khiến nhân vật Tĩnh sững sờ đến mức tưởng như bị chôn chân dưới đất. Anh bị đẩy

vào trạng thái giao cảm đặc biệt với thế giới thần linh. Anh cảm nhận rõ mùi trầm hương quẩn quanh, nồng nặc như những vòng khói vô hình dẫn lối tâm hồn chạm tới cõi linh thiêng: “Mùi trầm hương càng lúc càng nồng nặc, khiến anh ngộp thở” [6, tr.37]. Đây là khoảnh khắc không gian nghệ thuật đền Bạch Mã vượt ra ngoài giới hạn của hiện thực, trở thành không gian ranh giới giữa âm – dương, giữa phàm – thánh, giữa con người và thần linh. Sự linh ứng nơi đây thấm sâu vào tâm thức nhân vật, khiến anh ý thức rõ hơn bao giờ hết về sức mạnh vô hình của những thần lực đang lặng lẽ hiện hữu xung quanh.

Bên cạnh đó, Đền Voi Phục thờ Linh Lang Đại Vương cũng bằng bạc không khí linh thiêng, kì lạ. Khi bước chân đến nơi này, Tĩnh nhìn thấy “hai con voi đá bao lâu nay vẫn nằm phơi sương gió ở hai bên cổng, tự dung thoát hồn đứng dậy. Mỗi con voi phải cao tới hơn 2 mét, hai chiếc ngà trắng vươn dài ra dững mãi, chiếc vòi khẽ lắc lư” [6, tr.217]. Ngay từ cảnh tượng đầu tiên, tác phẩm đã gợi mở cảm giác bất an, kỳ dị. Sự chuyển hóa từ vật vô tri thành linh vật cho thấy không gian này không còn tuân theo quy luật thực tại thông thường, mà đã bị chi phối bởi một thứ linh lực vô hình. Điều đó càng làm nổi bật khí chất uy nghiêm, linh thiêng nhưng không kém phần sống động của thần quyền ẩn trong những biểu tượng xưa cũ. Không còn là những pho tượng câm lặng, chúng đã trở thành biểu tượng linh hồn được đánh thức, khẳng định quyền năng của Linh Lang Đại Vương đang hiển linh giữa nhân gian. Không gian đền càng trở nên huyền bí hơn khi “một con voi quỳ phủ phục xuống như hình dáng ban đầu, một con voi vẫn giữ dáng đứng thẳng uy phong. Thế nhưng Tĩnh mơ hồ nhìn thấy, ở trên lưng con voi đó có một bóng người đang ngồi, dáng vẻ oai hùng, nhìn xuống phía anh” [6, tr.218]. Chính sự đối lập giữa tĩnh và động, giữa phục tùng và hiển linh đã tạo dựng không khí trang nghiêm, rợn ngợp. Bóng người ấy không ai khác chính là linh hồn Linh Lang Đại Vương, vị thần bảo hộ phương Tây Thăng Long, hiển hiện để nhắc nhở, cảnh báo về trật tự thiêng liêng không thể xâm phạm.

Mặt khác, khi bước vào đền Kim Liên – trấn phía Nam của kinh thành, nơi thờ Đức Thần Cao Sơn Đại Vương, người đọc như được dẫn dắt vào một không gian uy nghi và huyền bí. Phía sau vẻ đẹp kiến trúc đặc sắc là một thế giới biểu tượng tâm linh giàu chiều sâu, gợi mở nhiều tầng nghĩa về sự bảo hộ thiêng liêng dành cho đất kinh kỳ. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp thâm nghiêm mà bí ẩn ấy qua những hình ảnh như: “những bức tượng được chạm khắc tinh tế như một con phượng bay lên, miệng ngậm một sợi dây” hay “bức tượng con linh thú đầu rồng, mình ngựa, trên lưng chở tấm bảng có hoa văn ngang dọc (Long Mã Hà Đồ)” [6, tr.326]. Các chi tiết trang trí này không chỉ thể hiện trình độ mỹ thuật tinh xảo mà còn ẩn chứa những thông điệp về cát lành, trí tuệ và trật tự vũ trụ theo quan niệm phương Đông. Nhờ đó, không gian đền toát lên một sinh khí linh thiêng và vẻ huyền nhiệm khó diễn tả bằng lý trí thuần túy. Không gian nội thất càng tăng thêm sắc màu tâm linh nhờ gam màu chủ đạo là đỏ và vàng ánh kim – hai sắc màu vốn tượng trưng cho quyền uy, thịnh vượng và linh thiêng

trong văn hóa truyền thống. Sự kết hợp hài hòa giữa ánh sáng, màu sắc, phù điêu, họa tiết... đã kiến tạo nên một không gian vừa trang nghiêm vừa linh ứng, như thể có sự hiện diện lặng thầm nhưng mạnh mẽ của vị thần bảo hộ – Cao Sơn Đại Vương, người vẫn đang dõi theo và che chở cho mảnh đất này.

Đặc biệt, đền Quán Thánh (Bắc Trăn) được tái hiện với kiến trúc mang hơi hướng bí ẩn với ba sân tế gồm Tiên tế, Trung tế, Hậu tế, gợi cảm giác trang nghiêm, ngăn cách dần giữa thế giới phàm tục và cõi thiêng. Không gian đền toát lên sự linh ứng, huyền bí từ những hoa văn, họa tiết được chạm khắc công phu: “có hình đôi cá chép quy đầu vào hồ lô trang trí ngoài Nghi môn nội, có hình trái đào, tượng Thanh Long, Bạch Hổ ở hai bên trái phải, trông vô cùng hùng dũng” [6, tr.115]. Những hình ảnh ấy đều mang ý nghĩa phong thủy, tượng trưng cho sự bảo hộ, phúc thọ, bình an và quyền năng trấn giữ bốn phương, góp phần gia tăng sắc màu huyền nhiệm cho không gian đền thiêng. Bên trong chính điện, sắc thái linh thiêng không gợi cảm giác âm u, rợn ngợp mà lại “có sơn son thếp vàng ăm cúng” [6, tr.115] tạo nên không khí nghiêm cẩn, gần gũi, như khẳng định nơi đây là chốn hội tụ linh khí, nhưng cũng là nơi tiếp nhận lòng thành kính của người trần thế. Đáng chú ý, bức tượng thần Huyền Vũ hiện lên sống động, mang đậm màu sắc tâm linh phương Đông: “được khắc mặc áo dài như các vị đạo sĩ Trung Quốc, tóc xoắn, không đội mũ. Tay phải tượng cầm đốc kiếm, tay trái bức tượng làm theo hình ấn gì đó Tỉnh không rõ. Cây kiếm chống lên lưng rùa, lưỡi kiếm có rắn quấn quanh” [6, tr.116]. Đây là hình tượng kết tinh hài hòa giữa các yếu tố tín ngưỡng, biểu tượng cho sức mạnh trấn yểm, chế ngự tà ma, bảo hộ phương Bắc Thăng Long khỏi tai họa. Sự kết hợp giữa rùa, rắn, kiếm, pháp ấn càng khiến không gian nơi đây bao phủ bởi khí thiêng, quyền uy.

Như vậy, trong *Tứ trấn huyền linh*, Thục Linh đã khéo léo kiến tạo nên một không gian nghệ thuật mang màu sắc tâm linh, huyền bí thông qua hình tượng bốn ngôi đền thiêng trấn giữ bốn phương Thăng Long. Không gian ấy thấm nhuần linh lực văn hóa, tín ngưỡng của người Việt từ ngàn đời. Ở mỗi ngôi đền, dấu ấn siêu nhiên được khắc họa qua những chi tiết huyền ảo: từ bức tượng Bạch Mã hóa linh vật sống, voi đá hiển linh, những linh thú mang biểu tượng vũ trụ, đến pho tượng Huyền Vũ uy nghiêm với kiếm, rắn, rùa, pháp ấn. Thông qua việc đan cài giữa quá khứ và hiện tại, giữa những hình ảnh lịch sử và yếu tố kỳ ảo, Thục Linh đã tái dựng không gian linh thiêng trong chiều kích văn hóa dân gian Thăng Long để khẳng định sự trường tồn của niềm tin tâm linh đời sống tinh thần người Việt. Những không gian ấy, với đặc trưng vừa hư vừa thực, vừa hữu hình vừa vô hình, đã kiến tạo nên chất trình thám mang màu sắc phương Đông. Qua đó, tác phẩm đã mang lại một thế giới nghệ thuật hấp dẫn, giàu chiều sâu huyền sử – tâm linh, đồng thời gợi lên trong lòng độc giả niềm trân trọng, tự hào đối với những giá trị văn hóa truyền thống, nhằm khẳng định bản sắc văn hóa Thăng Long – Hà Nội trong mạch sống hiện đại hôm nay.

2.2.2. Những hiện tượng, biểu tượng kì bí, mang tính siêu nhiên

Trong *Tứ trấn huyền linh*, **giấc mơ** đóng vai trò làm chiếc cầu nối đặc biệt giữa đời thực và thế giới siêu hình. Nhân vật Tỉnh trải qua hai dạng giấc mơ khác nhau, phản ánh hai chiều kích khác nhau của hành trình nhận thức: một là giấc mơ về kẻ sát nhân mang diện mạo chính anh; hai là những giấc mơ xảy ra tại các ngôi đền thiêng, dẫn dắt anh chạm tới ký ức lịch sử, tiếp xúc với linh hồn quá khứ Thăng Long. Trước hết, những cơn ác mộng về kẻ sát nhân chính là lời nhắc nhở từ sâu thẳm vô thức, buộc Tỉnh đối diện với bóng tối trong chính bản thân mình cũng như quá khứ bi kịch của gia tộc. Hình ảnh kẻ giết người có khuôn mặt quen thuộc ấy chính là bóng dáng phản chiếu của “nhị trùng thân” – người anh trai song sinh bị cha mẹ giết chết tức tưởi trong hủ tục từ lúc sơ sinh để giành sự sống cho Tỉnh. Đây không phải ngẫu nhiên là những ám ảnh vô cớ, đó chính là sự trỗi dậy của nỗi sợ hãi, dằn vặt trong tâm khảm về căn nguyên lời nguyền: “Điều anh sợ hãi lúc này không chỉ là cơn đau thấu xương trong cơn ác mộng mà còn là hình ảnh anh nhìn thấy trong giấc mơ. Khuôn mặt kẻ sát nhân ấy vô cùng quen thuộc, nhưng sao anh không nhớ nổi?” [6, tr.14]. Những giấc mơ ấy chính là chìa khóa khơi dậy ký ức vô thức về bi kịch quá khứ. Kẻ sát nhân trong mơ không ai khác chính là hiện thân quá khứ tội lỗi, là “bản ngã thâm lặng” bị lãng quên, giờ trở lại đòi hỏi sự đối diện, thừa nhận. Tỉnh không thể thoát khỏi nó vì chính anh đã thừa hưởng mọi hệ quả từ những oan nghiệt ngày trước. Chính sự thôi thúc tìm hiểu nguồn gốc kẻ nhị trùng trong mơ đã dẫn Tỉnh từng bước lần mò về lịch sử gia đình, về lời nguyền truyền đời, từ đó làm sáng rõ bi kịch ẩn sâu phía sau vẻ ngoài bình lặng của hiện tại. Đồng hành cùng những giấc mộng mang màu sắc tâm lý ấy là những giấc mơ siêu hình xảy ra tại các đền thiêng Tứ Trấn. Khác với ác mộng nhị trùng, những giấc mơ ở Tứ Trấn là cánh cửa đưa Tỉnh vượt qua ranh giới giữa các chiều không gian, thời gian, để tiếp xúc với những tầng sâu lịch sử – văn hóa Thăng Long. Cụ thể, khi đến đền Bạch Mã, anh bị cuốn vào thế giới u ám, nơi hiện hữu những quan lại triều xưa với gương mặt lo lắng, u hoài, báo hiệu sự rạn vỡ, bất an đang len lỏi trong huyết mạch lịch sử đất thiêng: “Anh bị hút vào một chiếc ống đen sâu hoắm không có ánh sáng... Xung quanh anh, những vị quan lại vẫn đang đứng rất đông. Bầu không khí tràn ngập sự u ám, khác hẳn quang cảnh uy nghiêm và thanh bình lần trước. Những vị quan vẫn áo mũ chỉnh tề, chẳng nói chẳng rằng, khuôn mặt tràn ngập sự lo lắng và sầu não, có người còn vất tay ra sau lưng, đi đi lại lại cảm tưởng sốt ruột lắm” [6, tr.44]. Đây là sự tái hiện ký ức lịch sử linh thiêng khi những biến cố quá khứ vẫn còn để lại dư âm trong mạch đất linh thiêng Thăng Long. Hoặc khi đến đền Quán Thánh, mùi trầm hương trở thành dấu hiệu thôi thúc Tỉnh bước vào không gian mộng mị, nơi thời gian bị xóa nhòa. Anh tỉnh dậy giữa màn đêm, bên những con người xa lạ từ quá khứ gọi về: “Đứng giữa màn đêm đen đặc, trên tay chỉ cầm có một ngọn đuốc. Đứng gần anh cũng có thêm ba người nữa, đang mặc bộ quần áo màu nâu, đầu chít khăn, trông như những nô tài” [6, tr.117]. Những giấc mơ này không còn là sản phẩm của tâm lý hoang mang.

Chúng trở thành con đường tắt yếu để Tĩnh thấu hiểu lịch sử, chạm tới căn nguyên thần linh của lời nguyện, từ đó tìm được lối hóa giải. Tứ Trấn chính là bốn điểm chốt linh khí Thăng Long, cũng là nơi neo giữ những bí mật vĩnh hằng mà chỉ qua giấc mơ, qua sự “nhập mộng”, con người mới có thể tiếp cận. Từ hai kiểu giấc mơ ấy, Thục Linh làm nổi bật quan niệm phương Đông về sợi dây nối kết bất khả phân giữa con người, lịch sử và thần linh. Giấc mơ chính là phương tiện để Tĩnh đối diện với chính mình, với bi kịch gia đình, với căn nguyên sâu xa của lời nguyện đang đeo bám. Chỉ khi thấu hiểu và hóa giải nỗi đau quá khứ, con người mới có thể tìm thấy sự bình yên trong hiện tại và thanh thản cho mai sau.

Không chỉ dừng lại ở những mộng mị, tác phẩm còn dựng lên những hiện tượng kỳ ảo phảng phất sắc thái phương Đông: Tĩnh có thể nhìn thấy **tiền kiếp, vong hồn, vong ma** – những hình ảnh nổi dài quan niệm về luân hồi, nhân quả, nghiệp báo trong văn hóa Việt. Khi đứng đợi xe buýt, sự thô lỗ, chen lấn của người đàn ông lạ bỗng khơi dậy trong anh cảnh tượng kỳ lạ: “Anh nhìn thấy một người đàn ông cục mịch đang gio cao chiếc roi dài, quất liên tục xuống những người đang mang vác đất đá xung quanh. Họ đều là những nạn nhân gầy gò đến tro xương, quần áo vá chằng vá đụp, đang phải còng lưng ra làm việc. Sau đó, người đàn ông cục mịch kia ngồi xuống chiếc bàn trong lều chõng giăng gần đó, uống rượu với các cai lệ khác, thệt thà tươm tất, cười nói vui vẻ, mặc kệ những người lao động khác ngoài cái nắng chang chang” [6, tr.8]. Chi tiết này gợi ra một tầng nghĩa sâu sắc: quá khứ chưa bao giờ mất đi mà vẫn luôn song hành, ảnh hưởng, thậm chí ám ảnh lên hiện tại. Nghiệp báo đâu còn là câu chuyện tín ngưỡng, nghiệp báo là chân lý vận hành của mọi kiếp người. Những vong hồn, vong ma tiếp tục mở rộng chiều sâu không gian linh thiêng và sắc màu siêu hình cho tác phẩm. Khi đi trên con ngõ quen thuộc, Tĩnh đối diện với hình ảnh người bán hàng rong quái dị: “Một mùi hôi rất đặc trưng xộc đến khi người phụ nữ ấy bước ngang qua anh. Tĩnh chỉ kịp nhìn thấy đôi bàn tay đen sì lở loét tro cả xương đang bám trên sợi dây buộc đòn gánh” [6, tr.12]. Thậm chí, ngay cả khi trời sáng, anh vẫn nhìn thấy “những hồn ma với chiếc bóng trắng lơ lơ ở đâu đó” [6, tr.13]. Những chi tiết ấy tạo cảm giác rùng rợn đồng thời đặt ra câu hỏi về ranh giới thực – ảo, sống – chết, dương – âm vốn luôn mơ hồ trong thế giới quan phương Đông. Những lời kể về “vong ma” càng làm dày thêm bóng tối siêu hình bao phủ câu chuyện: “Ở chỗ cửa hang Luồn có rất nhiều lời đồn đại rằng có vong ma bắt người. Nhiều người đi qua cửa hang Luồn bị đắm thuyền rồi chết đuối.” [6, tr.70]. Khi đối diện dòng sông Luồn, Tĩnh cảm nhận rõ sự vướng mắc của những oan hồn chưa thể siêu thoát: “Tiếng khóc nỉ non lại dấy lên từ các phía, nghe như nỗi đau nào đó đã bị động chạm, khiến họ phải than khóc không ngừng... Tĩnh nhận ra có thứ vật vương nào đó đang trêu chọc mình ở nơi đây. Tiếng cười khúc khích của vài người phụ nữ vẫn vọng ra một cách ghê rợn” [6, tr. 88]. Những tiếng khóc, bóng trắng, bàn tay lở loét... là biểu hiện rõ rệt của quan niệm âm dương đồng tồn, linh hồn người chết chưa siêu thoát còn vướng mắc nhân gian. Có thể

thấy, những vong linh, bóng ma, tiếng khóc hay hình ảnh nhòe mờ giữa thực và ảo gợi nhắc vòng luân hồi, nhân quả, nghiệp báo vận hành âm thầm trong từng số phận. Tác phẩm cho thấy ranh giới giữa dương – âm, sống – chết luôn mong manh, quá khứ chưa từng mất đi mà vẫn âm thầm chi phối hiện tại. Nghiệp báo không phải chuyện mê tín mà là quy luật chi phối mọi kiếp người. Từ đó, tác phẩm đặt ra suy tư về cách sống thuận đạo trời đất, biết hóa giải nghiệp oan để hướng đến cảm giác an ổn sâu tận tâm can.

Ngoài những hiện tượng kì bí, tác giả còn xây dựng các **biểu tượng pháp khí, bùa chú, ngọc ấn giàu ý nghĩa tâm linh**. Những tín vật này khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa con người và thế giới vô hình. Ấn kiếm Huyền Vũ là pháp vật tiêu biểu. Hình tượng rùa, rắn, kiếm kết hợp thành một khối biểu trưng cho sức mạnh trấn giữ phương Bắc, khả năng bảo hộ mạch khí Thăng Long và quyền năng chế ngự tà khí. Kiếm đại diện cho chính khí, rắn uốn quanh biểu thị luồng khí ngầm của đất trời, rùa nâng kiếm là biểu tượng của sự vững bền, trường tồn. Tất cả hòa lại thành dấu ấn linh thiêng, tượng trưng cho quyền uy thần linh trong việc duy trì cân bằng âm dương. Bùa trấn yểm xuất hiện dưới nhiều hình thức như bùa giấy, thẻ gỗ, bùa đồng. Những pháp vật này mang chức năng phong tỏa, điều hòa luồng khí âm dương, ngăn chặn những xáo trộn từ cõi âm ảnh hưởng đến nhân gian. Bùa chú cũng phản ánh tri thức dân gian, kinh nghiệm cổ truyền trong việc gìn giữ sự hài hòa phong thủy, trật tự vũ trụ. Ngọc ấn, linh phù gắn liền với ý niệm về quyền lực thiêng liêng, sự bảo chứng cho mệnh lệnh từ thần linh, từ đất trời. Những vật này thường xuất hiện trong các nghi lễ mang tính cầu đảo, xin phép hoặc kết nối giữa người và thần. Ngọc ấn đại diện cho quyền lực chính thống, là dấu hiệu của sự hợp pháp hóa mối giao tiếp giữa hữu hình và vô hình, giữa trần thế và linh giới. Các tín vật tâm linh như ấn, bùa, ngọc, kiếm đều góp phần thiết lập không khí linh thiêng, huyền nhiệm cho thế giới nghệ thuật trong *Tứ trấn huyền linh*. Những pháp vật này cho thấy tư duy phương Đông luôn nhìn nhận con người, thần linh, số phận và lịch sử tồn tại trong mối quan hệ mật thiết. Thế giới hữu hình không thể tách rời khỏi những quy luật vô hình vận hành trong trật tự âm dương, phong thủy, tâm linh.

Tóm lại, trong *Tứ trấn huyền linh*, yếu tố kỳ bí, siêu nhiên tạo nên không khí huyền ảo, linh thiêng cho tác phẩm, trở thành chìa khóa để lý giải mối quan hệ giữa con người – lịch sử – thần linh – số phận. Những giấc mơ, ảo giác, hiện tượng vong hồn, tiền kiếp hay những biểu tượng tâm linh làm dày thêm màu sắc huyền hoặc cho câu chuyện và khắc họa rõ chiều sâu tâm linh trong văn hóa người Việt. Nhân vật Tĩnh với khả năng tiếp nhận, cảm nhận được những dấu hiệu siêu hình ấy chính là đại diện cho con người hiện đại đang dần ý thức lại về sự gắn bó hữu cơ giữa quá khứ và hiện tại, giữa tâm linh và lịch sử.

2.2.3. Nhân vật có niềm tin vào linh ứng và báo ứng

Dù sống trong thời đại hiện đại, các nhân vật chính trong *Tứ trấn huyền linh* vẫn mang trong mình niềm tin sâu sắc vào sự linh ứng, báo oán, luật nhân quả... vốn là những giá trị đã ăn sâu vào tiềm thức người Việt từ bao đời nay. Nhân vật không phủ nhận vai trò của lý trí, của tư duy hiện đại trong hành trình tìm kiếm lời giải cho các hiện tượng bất thường, mà ngược lại, họ lựa chọn dung hòa giữa khoa học, kinh nghiệm sống và đức tin dân gian để bước vào thế giới huyền bí. Chính cách tiếp cận này đã bộc lộ rõ nét cái nhìn thẩm thấu văn hóa bản địa Việt Nam.

Diễn hình, khi đối diện với các không gian linh thiêng như Bạch Mã, Voi Phục, Kim Liên, Quán Thánh, các nhân vật luôn giữ thái độ kính cẩn, dè dặt, nghiêm cẩn trong từng hành động, lời nói. Họ bước vào không gian ấy không chỉ bằng đôi chân của những người đi tìm manh mối phá án. Họ bước vào bằng cả tấm lòng thành kính của những con người thấu hiểu và trân trọng truyền thống. Những hành động cụ thể của nhân vật đã minh chứng cho điều đó. Trước khi đến đền Bạch Mã, Tỉnh đã lấy số tiền tiết kiệm ít ỏi của mình để sắm lễ vật gồm: “xôi oản, hoa quả, bánh kẹo, thắp hương. Tỉnh cũng cẩn thận lên mạng tra cứu bài văn khấn của từng đền một” [6, tr.36]. Khi tới đền Quán Thánh, Tỉnh cũng không bỏ qua bất kỳ nghi lễ nào, thể hiện sự thành tâm và hiểu biết về quy chuẩn văn hóa tâm linh: “Tỉnh cũng đã nhờ viết sớ để dâng ở chính điện. Ba đứa đi khấn lần lượt các ban rồi vào tới chính điện, nơi đang đặt tượng thần Huyền Vũ... Tỉnh kính cẩn quỳ xuống cúi đầu trước bức tượng, xin thần rủ lòng thương xót giúp đỡ” [6, tr.116]. Đặc biệt, sau khi hoàn thành lễ bái tại đền Voi Phục, Tỉnh cảm thấy nhẹ nhõm hơn về thể chất và như được gột rửa về tinh thần, niềm tin về sự hiện diện của thần linh: “Tỉnh thấy lòng thanh thản đi nhiều, không còn sự mệt mỏi lúc trước nữa. Anh mong Đức thần Linh Lang xá tội cho sự chậm trễ của anh suốt một tháng qua và cầu thần chỉ lối dẫn đường cho anh vượt qua được thảm cảnh và thử thách trước mắt” [6, tr.220]. Những hành động cho thấy tâm thức con người hiện đại khi đối diện với thế giới siêu hình vẫn giữ nguyên niềm tin vào luật nhân quả, báo ứng. Họ tin rằng, mọi sự trong cõi hữu hình đều có nguyên do từ cõi vô hình, rằng nếu biết kính cẩn, ăn năn, hướng thiện thì có thể hóa giải tai ương, nếu sống bất nhân, tội ác sẽ theo đuổi mãi không thôi. Chính niềm tin ấy đã soi rọi và nâng đỡ tinh thần nhân vật trong suốt hành trình đối mặt với các thử thách tưởng chừng không thể vượt qua.

Qua cách xây dựng nhân vật mang tâm thức ấy, *Tứ trấn huyền linh* đã khắc họa thành công một thế giới quan thẩm thấu màu sắc phương Đông, khẳng định sức sống bền bỉ của tín ngưỡng dân gian, của niềm tin vào sự linh thiêng trong lòng người Việt hiện đại. Trong hành trình đi tìm chân lý, con người không thể dựa hoàn toàn vào lý trí khô khan, mà còn cần biết lắng nghe tiếng gọi từ cõi thiêng, biết cúi đầu trước những điều linh ứng, siêu hình để hướng tới trạng thái an nhiên trong tâm thức.

3. KẾT LUẬN

Tứ trấn huyền linh đã cho thấy sự thành công của Thục Linh trong việc dựng lên một thế giới nghệ thuật mang màu sắc huyền bí, tâm linh, kết hợp hài hòa giữa chất liệu dân gian và tinh thần của con người hiện đại. Không gian bốn ngôi đền thiêng gắn với lịch sử Thăng Long, cùng những hiện tượng kỳ bí, biểu tượng siêu hình và niềm tin vào sự linh ứng, báo ứng đã thể hiện rõ nét thế giới quan phương Đông về mối liên hệ chặt chẽ giữa con người, lịch sử, thần linh và số phận. Những yếu tố đó đã làm nên vẻ huyền ảo, cuốn hút cho câu chuyện, đồng thời phản ánh một thực tế trong tâm thức người Việt hôm nay: dù sống giữa thời đại của lý trí và khoa học, con người vẫn hướng về cõi thiêng vô hình như một điểm tựa tinh thần không thể thay thế. Qua tác phẩm, độc giả thêm thấu hiểu, trân trọng những giá trị văn hóa truyền thống và nhận ra rằng: mọi hành trình đi tìm chân lý, dù ở bất cứ thời đại nào, cũng cần có sự soi đường từ quá khứ, từ những dấu chỉ linh thiêng, từ niềm tin vào đạo lý muôn đời của con người Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Nguyễn Thị Bình (2012). *Văn xuôi Việt Nam sau 1975*, NXB ĐHSP Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Đăng Duy (1996). *Văn hóa tâm linh*, NXB Hà Nội.
- [3]. Phan Thúy Hằng, Phan Trọng Thường, Hoàng Thị Huế (2017). “Tiểu thuyết Việt nam sau 1986 nhìn từ yếu tố văn hóa tâm linh”, *Tạp chí Khoa học Yersin*, Website: <https://tckhyersin.edu.vn/bai-viet/tieu-thuyet-viet-nam-sau-1986-nhin-tu-yeu-to-van-hoa-tam-linh-88>.
- [4]. Nguyễn Văn Hùng (2016). “Những chiều kích tâm linh trong tiểu thuyết Việt Nam đương đại”, *Tạp chí Văn nghệ Quân đội điện tử*, Website: <http://vannghequandoi.com.vn/binh-luan-van-nghe/nhung-chieu-kich-tam-linh-trong-tieu-thuyet-viet-nam-duong-dai-9831-6669.html>.
- [5]. Hoàng Phê (Chủ biên) (2008). *Từ điển tiếng Việt*, NXB Đà Nẵng.
- [6]. Thục Linh (2022), *Tứ trấn huyền linh*, NXB Hội Nhà văn, Hà Nội.

SPIRITUAL COLOR IN “TỨ TRẦN HUYỀN LINH” BY THUC LINH

Nguyen Thi Nhu Thuy

University of Sciences, Hue University

Email: nguyenthinhuthuy1985@gmail.com

ABSTRACT

Literature and spiritual culture have a close and intrinsic connection. In literary works, spiritual elements often serve as a means for individuals to transcend the tangible limitations of everyday life and to reach higher, transcendent values. It becomes a space of reconciliation between aspiration and reality, the finitude of human life and the infinity of the spiritual universe. It is through a profound belief in beauty, goodness, and eternal truth that human beings are able to nurture hope and assert their spiritual resilience amidst the upheavals of life. Within the scope of this article, the author focuses on different aspects of spiritual expression in the literary work “*Tứ trần huyền linh*” by the writer Thuc Linh.

Keywords: symbolic color, spirituality, *Tứ trần huyền linh*, Thuc Linh.



Nguyễn Thị Như Thúy sinh ngày 27/01/1985 tại Phú Yên. Bà tốt nghiệp cử nhân ngành Sư phạm Ngữ văn, ĐHSP, ĐH Huế. Hiện nay, bà đang giảng dạy môn Ngữ văn tại Trường TH-THCS Lê Duẩn, huyện Tuy An, tỉnh Phú Yên, đồng thời đang tham gia lớp đào tạo sau đại học tại Khoa Ngữ văn, Trường Đại học Khoa học, Đại học Huế, chuyên ngành Văn học.

Lĩnh vực nghiên cứu: Văn học Việt Nam.